

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công viên Hồ Tây



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI**

Số: 40/CV-Haseco/2024

## I. Thông tin chung

### Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI</b>
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: <b>0100844825</b>
Vốn điều lệ	: <b>100.000.000.000 đồng</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: <b>92.974.500.000 đồng</b>
Địa chỉ	: <b>Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội</b>
Số điện thoại	: <b>(04) 3718-4193</b>
Số fax	: <b>(04) 3718-4190</b>
Website	: <b>www.congvienhotay.vn</b>
Mã cổ phiếu (nếu có)	: <b>HES</b>

### 1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bru điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay).

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, HĐQT đã đưa ra những giải pháp ngắn và dài hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Về ngắn

hạn: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, áp dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp và quản lý nội bộ của công ty, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Về dài hạn: từ năm 2017 HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai làm lại quy hoạch tổng thể đồng bộ 2 khu công viên nước và công viên Mặt Trời Mới để đổi mới phù hợp với sự phát triển và xu hướng của xã hội hiện đại cũng như nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng hiện nay. Hiện nay, công tác này đã gần hoàn tất, đồ án quy hoạch đang trình UBND Thành phố xem xét, phê duyệt.

Năm 2023 vừa qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng chỉ đạo sát sao, kịp thời để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban điều hành công ty và tập thể cán bộ công nhân viên quyết tâm đồng lòng, chủ động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đặt ra. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 hết sức khả quan: Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt: 152,41 tỷ đồng, tăng 11,99 % so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 đạt 13,07 tỷ đồng.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **a) Ngành nghề kinh doanh:**

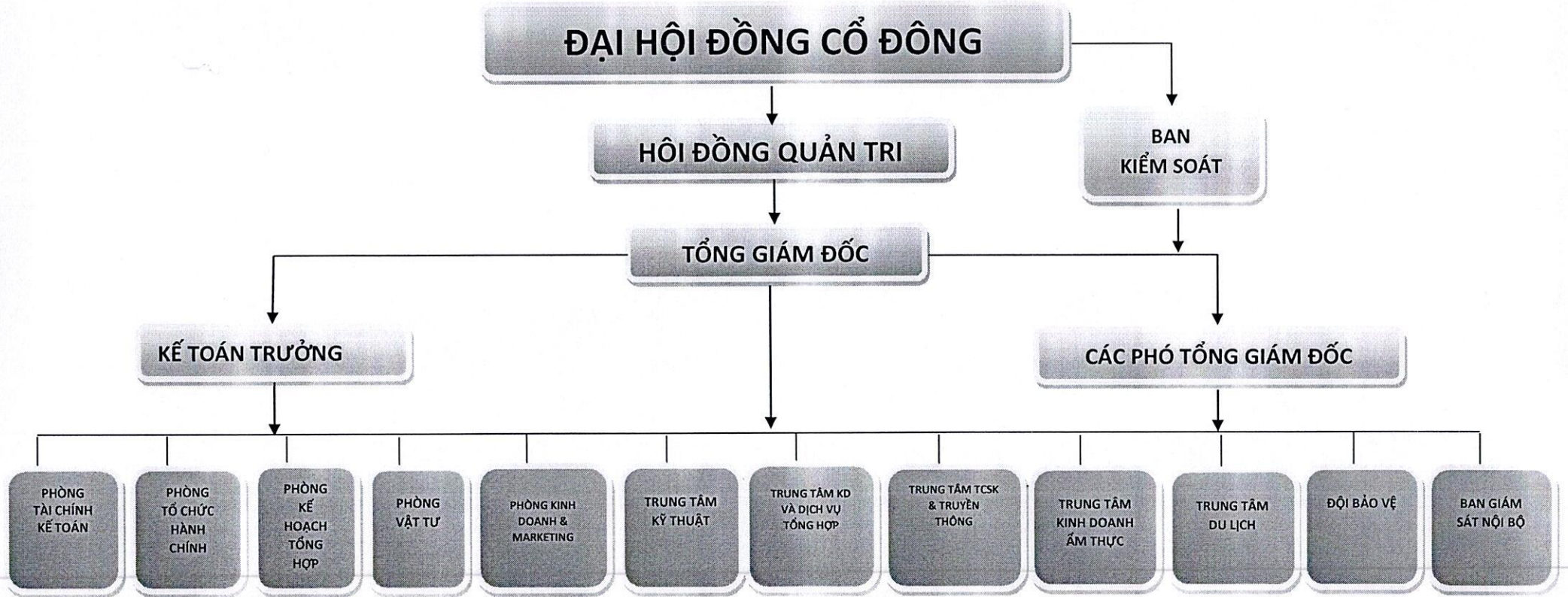
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

**b) Địa bàn kinh doanh:** Công viên Hồ Tây có địa chỉ tại số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**a) Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



**b) Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Hoàn thiện Quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây. Sau khi hoàn thiện Quy hoạch, tìm nhà đầu tư khai thác để chấm dứt tình trạng thua lỗ của Công viên Mặt Trời Mới trong hơn 20 năm qua.
- Khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các sản phẩm lõi của Công ty: vui chơi công viên nước, tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, tiệc cưới, ẩm thực, kinh doanh du lịch lữ hành...
- Tiếp tục thực hiện giai đoạn II của việc ứng dụng công nghệ mới vào các quy trình nội bộ của công viên, tiếp tục mở rộng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh khác của công ty.
- Đẩy mạnh truyền thông khai thác tối đa công viên nước và nhà hàng Sen Hồng.
- Tăng cường các biện pháp thu hút các nhà đầu tư chiến lược hợp tác kinh doanh khai thác dịch vụ công viên Hồ Tây nhằm phát triển bền vững.
- Tạo dựng được thương hiệu Công viên Hồ Tây là thương hiệu mạnh, uy tín, tạo sự tin tưởng, an tâm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Công viên Hồ Tây, theo đó đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty.

##### **b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Hoàn thiện Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây, khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm, kết nối đồng bộ với khu phố đi bộ Trịnh Công Sơn tạo thành một điểm đến hấp dẫn cho người dân thủ đô và du khách trong và ngoài nước.
- Triển khai các hoạt động kinh doanh hiệu quả, gia tăng doanh thu, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Tái cơ cấu sắp xếp lại Doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Xây dựng Công viên Hồ Tây là một điểm đến ấn tượng với du khách trong và ngoài nước khi đến Thủ đô, hướng tới việc phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của mọi du khách gần xa, đảm bảo không chỉ người dân Thủ đô mà là du khách các nơi đến Công viên đều tìm thấy các dịch vụ giải trí cần thiết và phù hợp với mọi lứa tuổi.
- Là điểm tham quan văn hóa, văn minh và hiện đại có hạ tầng kỹ thuật được xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ, không bị chia cắt trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế về cảnh quan và hạ tầng sẵn có, xứng tầm với một khu vui chơi giải trí ngay tại Thủ đô đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí ngày càng cao của chính người dân Hà Nội, công viên

mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo xu hướng bền vững, hiệu quả doanh nghiệp gắn với lợi ích cộng đồng.

**c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

**5. Các rủi ro**

- Nền kinh tế Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như: Sức ép lạm phát còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; nhu cầu các thị trường xuất, nhập khẩu tiếp tục suy giảm, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro...

- Vui chơi giải trí là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng chung của sự suy giảm kinh tế. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố:

- + Yếu tố mùa vụ trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu khó lường;
- + Chính sách của nhà nước làm tăng chi phí tiền thuê đất;
- + Xu hướng cắt giảm chi tiêu của người dân trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn;
- + Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại;
- + Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí;
- + Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

**II. Tình hình hoạt động trong năm.**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

**a) Tổng lượng khách:** đạt 465.984 lượt khách, tăng 31.926 lượt khách hay tăng 7,36% so với năm 2022.

**b) Tổng doanh thu:** đạt 152,42 tỷ đồng, tăng 16,32 tỷ đồng hay tăng 12% so với năm 2022, trong đó: Doanh thu các hoạt động tự doanh tại Công viên đạt 108,41 tỷ đồng, tăng 7,81 tỷ đồng hay tăng 7,77%; Doanh thu tour du lịch (là hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên) đạt 44,01 tỷ đồng, tăng 8,51 tỷ đồng hay tăng 23,96%.

**c) Phân tích nguyên nhân:**

Bước vào năm 2023, nền kinh tế Việt Nam phải đối diện với nhiều rủi ro và thách thức từ bên trong và bên ngoài: Kinh tế thế giới tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, chiến sự Nga - Ucraina kéo dài, lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn đứng ở mức cao, Ngân hàng Trung ương của nhiều quốc gia vẫn theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt, đồng Đô-la mỹ mạnh lên đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng. Nhiều nền kinh tế lớn trong đó có các đối tác thương mại quan trọng của nước ta đã tăng trưởng chậm lại, thậm chí rơi vào suy thoái. Nền kinh tế Việt Nam cũng có những rủi ro mang tính nội tại, đặc biệt trong thị trường ngân hàng, trái phiếu và lĩnh vực bất

động sản. Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu sẽ ngày càng đè nặng lên sản xuất nông nghiệp, sức khỏe và sự an cư của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng, lũ lụt, hạn hán và mưa bão lớn.

Nhìn chung, kinh tế - xã hội nước ta trong năm 2023 đã đạt được những kết quả tương đối tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp (Một số chỉ tiêu chủ yếu: tăng trưởng GDP cả năm đạt ~5,05%; CPI tăng 3,25%; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6%; Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng 4,5% và số doanh nghiệp ngừng kinh doanh rút lui khỏi thị trường tăng 20,5%).

Trong bối cảnh đó và cùng với những kết quả đã đạt được từ năm 2022, Ban điều hành công ty thường xuyên bám sát các Nghị quyết của HĐQT và ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT để nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị/bộ phận trong công ty triển khai ngay các kế hoạch công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao, rà soát và điều chỉnh chính sách giá vé và giá bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho phù hợp với thị trường, chú trọng các biện pháp thúc đẩy kinh doanh khai thác khách, đặc biệt là các mảng kinh doanh Công viên nước, tiệc cưới, tổ chức sự kiện và tour du lịch. Tập trung các nguồn lực để nhanh chóng hoàn thiện các hạng mục đầu tư xây dựng (bể tạo sóng, bể trẻ em), các hạng mục duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị khu Công viên nước, các hạng mục cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cảnh quan công viên để kịp tiến độ cho sự kiện ngày hội mở cửa Công viên nước vào ngày 14/4/2023.

Những yếu tố nêu trên cộng hưởng lại đã tạo sức hút mạnh mẽ, thúc đẩy tăng trưởng khách hàng đến với CVN năm nay, lượng khách đến CVN trong năm 2023 đã đạt 438.785 lượt khách, tăng 4,71% so với năm 2022, tương ứng chỉ tiêu doanh thu CVN đã đạt 61,9 tỷ đồng, tăng 6,59%, đồng thời có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu từ các dịch vụ gia tăng tại công viên như: ẩm thực, bán lẻ hàng hóa, cho thuê đồ bơi, cho thuê tủ gửi đồ, nhà khách,... Tuy nhiên, mức chi tiêu bình quân đầu khách cho các dịch vụ gia tăng này chỉ đạt 39.241 đồng (tương đương với mức chi tiêu năm 2022), giảm 4.047 đồng hay giảm 9,35% so với cùng kỳ năm 2019, điều đó cho thấy sức mua của khách hàng vẫn tiếp tục bị giảm sút so với trước đại dịch covid-19.

Riêng mảng kinh doanh tiệc cưới đã tiếp tục có những bứt phá mạnh mẽ trên nền tảng cơ sở vật chất và hạ tầng kinh doanh tiệc cưới (hội trường, sân khấu, bàn ghế, cảnh quan, khu vệ sinh,...) đã được đầu tư xây dựng trong những năm qua và kết quả đạt được của năm 2022. Hệ thống mạng lưới đại lý tiệc cưới thường xuyên được rà soát, củng cố và ngày càng phát triển, rộng khắp đến tận phố, phường, tổ dân phố trên các địa bàn lân cận của Công viên Hồ Tây. Kết quả trong năm 2023, công ty đã khai thác được 216 tiệc cưới, với lượng khách là 78.956 lượt khách (trung bình 366 khách/1 tiệc cưới ≈ 61 mâm 6), mang lại doanh thu là 11,66 tỷ đồng, tăng 16,15% so với cùng kỳ 2022.

Đối với hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, với lợi thế là lực lượng nhân sự được duy trì ổn định và các hoạt động kinh doanh du lịch đã và đang hồi phục mạnh mẽ trở lại sau đại dịch, Trung tâm du lịch đã nhanh chóng và chủ động triển khai các phương

án kinh doanh, tập trung chủ yếu vào thị trường tour Nội địa với điểm đến là các bãi biển, khu nghỉ mát,... Đồng thời quan tâm khai thác thị trường tour du lịch nước ngoài cũng đang có những tín hiệu khả quan với điểm đến là các nước Nhật Bản, Đài Loan, Ấn Độ,.... Kết quả kinh doanh năm 2023 đã có 16.891 lượt khách đi tour với doanh thu là hơn 44 tỷ đồng.

Tổng doanh thu năm 2023 đạt 152,42 tỷ đồng, tăng 16,32 tỷ đồng hay tăng 12% so với cùng kỳ 2022 là do: (i) Doanh thu các HĐKD chính tại công viên (không bao gồm du lịch và Sen Tây Hồ) đạt 98,11 tỷ đồng, tăng 7,81 tỷ đồng hay tăng 8,65%; (ii) Doanh thu tour du lịch đạt 44,01 tỷ đồng, tăng 8,51 tỷ đồng hay tăng 23,96% và (iii) Doanh thu từ HTKD với Sen Tây Hồ đạt 10,3 tỷ đồng, bằng cùng kỳ năm 2022.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ trong kỳ là 93,3 tỷ đồng, tăng 14,15 tỷ đồng hay tăng 17,87% so với cùng kỳ 2022, trong đó: Giá vốn kinh doanh bán lẻ tăng 163,85 triệu đồng hay tăng 8,85%, là do doanh thu tăng 1,59% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau: hàng hóa bán lẻ (có giá vốn cao) tăng 2,4%, dịch vụ cho thuê đồ bơi (có chi phí giá vốn rất thấp) giảm 3,16%; Giá vốn kinh doanh Ẩm thực tăng 1,16 tỷ đồng hay tăng 12,49% là do doanh thu tăng 9,21% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau, trong đó doanh thu ẩm thực bán lẻ giảm 6%; Giá vốn dịch vụ TCSK tăng 1,79 tỷ đồng hay tăng 132,45% là do doanh thu tăng 106,46% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn tour du lịch tăng 8,39 tỷ đồng hay tăng 25,06%, là do doanh thu tăng 23,96% và cơ cấu doanh thu có mức tăng giảm khác nhau; Giá vốn dịch vụ CVN & CV.MTM tăng 2,63 tỷ đồng hay tăng 8,28% là do doanh thu CVN tăng 6,59%, ngoài ra trong năm qua Công ty phải tăng cường công tác duy tu, sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị, cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan công viên, đặc biệt là các hạng mục bê tông spong và bê tông nhồi,....

Chi phí bán hàng trong kỳ là 18,72 tỷ đồng, tăng 1,55 tỷ đồng hay tăng 9,05% so với cùng kỳ 2022 là do: Chi phí nhân viên tăng 296,8 triệu đồng hay tăng 4,47%, chi phí công cụ dụng cụ giảm 236,3 triệu đồng hay giảm 24,68%, chi phí khấu hao giảm 53,9 triệu đồng hay giảm 3,95%, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 585,7 triệu đồng hay tăng 12,95%, chi phí bằng tiền khác tăng 961,8 triệu đồng hay tăng 26,14% (là do trong năm phải tăng cường các chi phí hỗ trợ cho CVN do lượng khách đông, tăng các khoản chi phí đào tạo và phúc lợi cho nhân viên như tham quan học tập, nghỉ mát, liên hoan, hội nghị,...).

Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là 30,57 tỷ đồng, tăng 7,38 tỷ đồng hay tăng 31,82% so với cùng kỳ 2022 là do: Chi phí nhân viên quản lý tăng 963,5 triệu đồng hay tăng 14,71%; Chi phí vật liệu quản lý tăng 39,2 triệu đồng hay tăng 8,76%; Chi phí dụng cụ đồ dùng tăng 10,6 triệu đồng hay tăng 7,82%; Chi phí khấu hao giảm 259,68 triệu đồng hay giảm 27,66%; Tiền thuê đất tăng 6,11 tỷ đồng hay tăng 67%; Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 533,5 triệu đồng hay tăng 35,73% (trong đó riêng chi phí SCBD tăng 327,9 triệu đồng); Chi phí bằng tiền khác tăng 221,9 triệu đồng hay tăng 6,72%.



Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 3,06 tỷ đồng, tăng 1,7 tỷ đồng hay tăng 124,73% so với cùng kỳ 2022 là do lãi suất tiền gửi trong kỳ khá cao, hơn nữa Công ty tận dụng được nguồn tiền chưa phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán do chính sách giãn tiền nộp thuế và tiền thuê đất trong năm 2023 của Nhà nước.

Các khoản thu nhập khác (thu thuần) trong kỳ là 191,9 triệu đồng, giảm 448,1 triệu đồng hay giảm 70% so với cùng kỳ năm 2022.

Kết quả kinh doanh năm 2023 Công ty đạt Lợi nhuận là 13.08 tỷ đồng, tăng 83.07% so với mức kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

#### ❖ Bà Nguyễn Thị Vân

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ VÂN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- ✓ Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
- ✓ Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
- ✓ Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.015.923 cổ phần

\*Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH

❖ **Ông Hoàng Văn Toàn**

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
  - Nơi sinh: Hải Dương
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn:
  - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
  - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
  - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần
- \*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần  
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn:
  - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
  - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
  - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần
- \*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần  
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
  - Giới tính: Nữ
  - Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
  - Nơi sinh: Thái Bình
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thái Bình
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXXH và NV – Du lịch
  - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- \*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần  
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYẾN**
  - Giới tính: Nam
  - Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
  - Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Hưng Yên
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
  - Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
  - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- \*Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần  
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**b) Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023: không có**

**c) Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 207 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 7.800.000 đ/ người/ tháng.

Năm 2023 hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định, lượng khách tăng, doanh thu chính tăng, CBNV được hưởng lương, thưởng và các khoản hỗ trợ đầy đủ.

Năm 2023, giờ mở cửa công viên nước sớm hơn 30 phút, thời gian làm việc của CBNV tác nghiệp kéo dài hơn nên tiền lương tăng ca, thêm giờ tăng.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	102.884,9	113.307,5	10,13%
Doanh thu thuần	136.095,7	152.417,9	11,99%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.944,8	12.886,9	-28,19%
Lợi nhuận khác	640,0	191,9	-70,02%
Lợi nhuận trước thuế	18.584,8	13.078,9	-29,63%
Lợi nhuận sau thuế	18.584,8	13.078,9	-29,63%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đ.V.T	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,4	3,62
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	2,36	3,57
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,94	12,13
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,96	13,80
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	95,34	148,14
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,37	1,41
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			

+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,66	8,58
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,49	13,14
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,06	11,54
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,66	8,58

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a) Cổ phần (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2023):

Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu	9.297.450 CP
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/CP
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	0%

STT	Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông lớn (&gt;= 5%)</b>		
	- Cá nhân	0	0%
	- Tổ chức	05	86,09%
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác (&lt;5%)</b>		
	- Cá nhân	402	13,73%
	- Tổ chức	01	0,15%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	2.800	0,03%
	<b>Tổng cộng</b>	9.297.450	100%

#### Danh sách cổ đông lớn của Công ty

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn		
1	Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH	Cổ đông nhà nước		4.270.000	45,927%
2	Tập đoàn Bảo Việt	Cổ đông nhà nước		1.800.000	19,360%

3	Công ty TNHH Trí Thành	Cổ đông lớn	525.000	5,647%
4	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Sen	Cổ đông lớn	938.565	10,095%
5	Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng	Cổ đông lớn	470.500	5,061%

**b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐCĐ.HASECO ngày 21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2000 ngày 25/11/2000.
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐCĐ-HASECO ngày 23/07/2001
<b>Cộng:</b>	<b>9.297.450</b>	<b>92.974.500.000</b>		

**Chú ý:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/11/1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

**c) Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.

**d) Các chứng khoán khác:**

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây.

**6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

**a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** không có

**b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** không có

**6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:**

**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 207 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 7.800.000 đ/ người/ tháng.

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

- Sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid19, lĩnh vực kinh doanh giải trí ở nội thành và các vùng lân cận có nhiều cạnh tranh, công ty tuy còn nhiều khó khăn nhưng nhờ sự định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự sát sao của Ban Điều hành, sự quyết tâm của tập thể Ban lãnh đạo công nhân viên Công ty, hoạt động kinh doanh có nhiều khởi sắc, doanh thu tăng so với năm 2022 nên Công ty đã kịp thời có những khoản thưởng để động viên, khích lệ và tri ân người lao động trong mùa hoạt động Công viên

nước, những ngày lễ tết, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hỉ ... theo quy định của Công ty.

- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, với mục đích tăng cường công tác chăm lo sức khỏe, giảm bớt khó khăn cho người lao động khi bị ốm đau, nằm viện, tai nạn, phẫu thuật, và điều trị các bệnh dài ngày, Công ty đã mua thêm gói Bảo hiểm sức khỏe cho người lao động.

- Thời giờ nghỉ ngơi:

✓ Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần.

✓ Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.

✓ Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.

- Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.

- An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có đào tạo, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.

- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.

- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.

### **c) Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

+ Đào tạo nội bộ: 12h/ nhân sự

+ Đào tạo nhân viên thời vụ: 36h/ nhân sự

+ Ngoài ra các Bộ phận tác nghiệp Trưởng các Bộ phận chủ động đào tạo tại chỗ nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- Công ty có tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại Công ty. Khóa đào tạo tổng quan Công ty: cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy, quy chế và văn hóa Công ty...

+ Khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí Công việc: Cứu hộ, bán lẻ cho thuê đồ bơi, bán hàng Âm thực, lễ tân chăm sóc khách hàng, soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân...



+ Các khóa đào tạo theo yêu cầu của công việc: đào tạo nghiệp vụ cứu hộ, bảo vệ, ATVSLĐ, ATVSTP, PCCC...

+ Đào tạo ngoài Doanh nghiệp:

- Tổ chức được 03 lớp đào tạo ngoài, cụ thể:

1. Kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp
2. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình hiệu quả
3. Quản trị Nhân sự hiện đại

### 6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

*Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:*

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động quyên góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, hỏa hoạn, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Ủng hộ kinh phí giúp đỡ trẻ em khuyết tật, thiệt thòi. Năm 2023 cũng như những năm trước, Công ty tổ chức chuyến đi từ thiện lên các điểm trường vùng cao để chia sẻ với các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình về nguồn, kết hợp thiện nguyện tại Cao Bằng; tài trợ hoạt động thiện nguyện xây trường học tại Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng; hỗ trợ kinh phí tổ chức Lễ đón nhận Khu du lịch Nhật Tân, phường Nhật Tân.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện		So sánh (%)		Tỉ lệ % so với doanh thu thuần (%)	
			Năm 2023 (Trđ)	Năm 2022 (Trđ)	TH 2023/TH 2022	TH 2023/KH 2023	Năm 2023	Năm 2022
1	Tổng Doanh thu	139.611,7	152.417,9	136.095,7	111,99	109,17	-	-
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần	139.611,7	152.417,9	136.095,7	111,99	109,17	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	92.679,6	93.306,4	79.159,1	117,87	100,68	61,22	58,16
5	Lợi nhuận gộp	46.932,1	59.111,6	56.936,6	103,82	125,95	38,78	41,84

6	Doanh thu tài chính	2.025,4	3.064,8	1.363,8	224,73	151,32	2,01	1,00
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	0,00	0,00
8	Chi phí bán hàng	17.415,9	18.718,3	17.164,1	109,05	107,48	12,28	12,61
9	Chi phí quản lý	24.630,8	30.571,1	23.191,5	131,82	124,12	20,06	17,04
10	Lợi nhuận thuần	6.910,7	12.886,9	17.944,8	71,81	186,48	8,45	13,19
11	Thu nhập khác	233,5	203,6	758,7	26,83	87,18	0,13	1,41
12	Chi phí khác	0,0	11,6	118,7	-	170028,79	0,01	0,94
13	Lợi nhuận khác	233,5	191,9	640,0	29,99	82,20	0,13	0,47
14	Lợi nhuận trước thuế	7.144,2	13.078,9	18.584,8	70,37	183,07	8,58	13,66
15	Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-
16	LN sau thuế TNDN	7.144,2	13.078,9	18.584,8	70,37	183,07	8,58	13,66

## 2. Tình hình tài chính.

Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2023 là 113,31 tỷ đồng, tăng 10,42 tỷ đồng hay tăng 10,13% so với 31/12/2022, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 923,5 triệu đồng hay giảm 20,78%; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 8,5 tỷ đồng hay tăng 28,79% do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 1,68 tỷ đồng hay tăng 58,25%; Hàng tồn kho tăng 80 triệu đồng hay tăng 13,56%; Tài sản ngắn hạn khác tăng 369,8 triệu đồng hay tăng 61,27%; Tài sản dài hạn tăng 715,1 triệu đồng hay tăng nhẹ 1,1% do tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản trong kỳ.

Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2023 là 113,31 tỷ đồng, tăng 10,42 tỷ đồng hay tăng 10,13% so với 31/12/2022, trong đó: Nợ phải trả giảm 2,65 tỷ đồng hay giảm 16,2% là do: Phải trả người bán giảm 1,45 tỷ đồng; Người mua trả tiền trước giảm 750,8 triệu đồng; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 164,6 triệu đồng; Phải trả người lao động tăng 194,1 triệu đồng; Chi phí phải trả giảm 22,1 triệu đồng; Doanh thu chưa thực hiện giảm 6 triệu đồng; Các khoản phải trả khác giảm 456,6 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu tăng 13,08 tỷ đồng hay tăng 15,12% là do khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 13,08 tỷ đồng.

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, trong khi đó, tình hình địa chính trị thế giới vẫn diễn biến phức tạp và khó lường, ngoài chiến tranh Nga - Ucraina còn xuất hiện thêm cuộc chiến ở Trung Đông và nhiều điểm nóng có nguy cơ bùng nổ khác. Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo giảm nhẹ

so với 2023, cùng với đó là tăng trưởng kinh tế của nhiều nước đối tác thương mại lớn của Việt Nam cũng được dự báo trong xu hướng giảm.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 vẫn tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn nội tại kéo dài từ năm 2023 đến nay chưa giải quyết được: thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản trầm lắng, động lực tăng trưởng của nền kinh tế vẫn phụ thuộc phần lớn vào khối doanh nghiệp FDI,... Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục đè nặng lên sản xuất nông nghiệp, sức khỏe và sự an cư của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng, lũ lụt, mưa bão và hạn hán.

Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2024 này vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Ban điều hành sẽ nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, tăng cường khai thác và mở rộng các kênh bán hàng, bổ sung một số sản phẩm dịch vụ mới, tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.

**Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2023 và dự báo tình hình kinh doanh năm 2024, Công ty đặt ra các mục tiêu hoạt động năm 2024 như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Mức tăng/giảm	
					Giá trị	Tỷ lệ %
--	(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(3)/(1)
1	Lượng khách đến CVHT	Khách	465.984	390.916	(75.068)	-16,11%
	- Công viên Nước	"	438.785	390.916	(47.869)	-10,91%
	- Công viên MTM	"	27.199	-	(27.199)	-100,00%
2	Lượng khách đi Tour	Khách	16.891	20.100	3.209	19,00%
	- Tour Nội địa	"	15.717	18.703	2.986	19,00%
	- Tour Outbound	"	1.174	1.397	223	18,99%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	152.417,93	162.325,10	9.907,17	6,50%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	13.078,86	13.933,16	854,30	6,53%

Trong đó, doanh thu kế hoạch năm 2024 phấn đấu đạt 162,3 tỷ đồng, tăng 9,9 tỷ đồng hay tăng 6,5% so với thực hiện năm 2023. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 13,93 tỷ đồng, tăng 854,3 triệu đồng hay tăng 6,53% so với năm 2023.

**Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:**

**a) Công tác quản trị điều hành:**

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn, thúc đẩy và tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan, ban ngành thành phố để Đồ án quy hoạch chi tiết đồng bộ khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây được phê duyệt theo Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Tích cực tìm kiếm đối tác có tiềm lực tài chính mạnh, có năng lực kinh doanh, tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh khai thác tối đa lợi thế của Công viên Hồ Tây theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành. Đặc biệt là hợp tác kinh doanh khai thác khu vực 1,7ha, khắc phục tình trạng đầu tư không hiệu quả tại Công viên Mặt trời mới.

- Từng bước triển khai kinh doanh các dịch vụ theo chủ trương phát triển kinh tế địa phương của Thành phố tại địa bàn Quận Tây Hồ như tận dụng lợi thế mặt bằng rộng rãi, vị trí trung tâm để lên kế hoạch kinh doanh online, tận dụng mặt bằng để làm điểm trung chuyển, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản các địa phương, quảng bá các sản phẩm du lịch... để gia tăng các nguồn thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Nghiên cứu triển khai việc xin cấp giấy phép khai thác nước ngầm để đảm bảo ổn định nguồn nước phục vụ kinh doanh, tuân thủ các quy định hiện hành.

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng, lập phương án và triển khai thanh lý các thiết bị trò chơi của khu Công viên Mặt trời mới.

#### **b) Nhóm giải pháp thúc đẩy kinh doanh:**

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận và Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công viên Hồ Tây, đặc biệt tăng cường vào mùa hoạt động Công viên nước để tận dụng sản phẩm thế mạnh của Công ty.

- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, các dịch vụ gia tăng/bổ trợ, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh. Tiếp tục chăm sóc, củng cố và phát triển các kênh bán hàng tiệc cưới, đặc biệt là mạng lưới các đại lý ngay tại các khu dân cư/tổ dân phố trên địa bàn quận Tây Hồ, Ba Đình.

- Vào các tháng thấp điểm, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý của Công viên để thu hút sự kiện của các khách hàng lớn cũng như các Lễ hội do các cơ quan, đơn vị, hiệp hội... trên địa bàn thành phố tổ chức tại Công viên.

- Đối với lĩnh vực du lịch lữ hành: Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng các sản phẩm tour du lịch. Tập trung chăm sóc, chào bán tour cho các đối tác truyền thống có nhu cầu du lịch lớn đi du lịch các tuyến điểm mới ở cả trong nước và ngoài nước. Khai thác các khu công nghiệp, nhà máy đi du lịch trong nước, tuy mức giá và lãi gộp thấp nhưng có số lượng khách lớn. Tiếp tục lựa chọn tham gia một số liên minh tour ghép để mở rộng thương hiệu, nhưng phải đảm bảo an toàn, tránh rủi ro về vốn đầu tư. Thường xuyên nghiên cứu xây dựng và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu từng đối tượng khách hàng.

- Nghiên cứu và lựa chọn áp dụng các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, hiệu quả, có hiệu ứng tốt đối với công tác truyền thông quảng bá thương hiệu.

#### **c) Truyền thông, quảng bá thương hiệu:**

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục lựa chọn và áp dụng các hình thức truyền thông mới mang tính thời đại, luôn cập nhật, tiếp cận các xu hướng truyền thông mới hấp dẫn giới trẻ - là đối tượng khách hàng chính của Công viên Hồ Tây.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông tại công ty.

#### **d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**

- Rà soát và hoàn thiện lại công tác quản trị nhân sự và tiền lương theo hướng tinh gọn bộ máy, tránh chồng chéo dư thừa lao động so với nhu cầu công việc thực tế, đảm bảo mục tiêu cân đối hợp lý giữa chi phí tiền lương và doanh thu của Công ty.

- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ nhân viên: tác phong nhanh nhẹn, tinh thần, thái độ phục vụ niềm nở, đặc biệt là các kỹ năng mềm trong giao tiếp và phục vụ khách hàng. Thường xuyên quan tâm công tác giám sát hiệu quả sau đào tạo, đặc biệt là ở các bộ phận tác nghiệp.

#### **e) Công tác đảm bảo an toàn; duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan:**

- Quan tâm đầu tư duy trì việc bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.

- Đảm bảo hệ thống vệ sinh trong công viên luôn được thông thoáng, sạch đẹp để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên chăm sóc, chỉnh trang các cảnh quan của Công viên, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Duy trì và tăng cường độ phủ sóng Wifi rộng khắp công viên, tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các trang mạng xã hội khi check-in CVHT.

#### **f) Nhóm giải pháp về kiểm soát và tiết kiệm chi phí:**

- Sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, dụng cụ đồ dùng và các trang thiết bị phụ trợ, tránh lãng phí.

- Sử dụng nhân sự hợp lý và hiệu quả, linh hoạt trong những ngày vắng khách.

- Định kỳ đánh giá, lựa chọn các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, luôn chủ động về nguồn hàng với số lượng, chất lượng và giá cả đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, đảm bảo số lượng tồn hợp lý, có báo cáo kịp thời để đổi trả hàng, tránh tình trạng để hàng hết hạn sử dụng hoặc tồn kho lâu ngày.

- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị máy móc để giảm thiểu chi phí thay thế khi chưa hết khấu hao.

## **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

### **a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Hàng năm Công ty vẫn thực hiện quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ theo quy định của Pháp luật.

Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường và được chấp thuận. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải công ty được đấu nối chung với hệ thống xử lý nước thải chung của Thành phố của Công ty Phú Điền .

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt và được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Hàng năm có báo cáo về việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

### **b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.**

Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động, thông qua việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động, hỗ trợ cơm ca. Công ty đã duy trì và đang cố gắng xây dựng các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động như khám sức khỏe định kỳ, tiêm vắc xin Covid. Đối với các chế độ phúc lợi, Công ty có tháng lương thứ 13 và 0.5 tháng lương thứ 14, các khoản thưởng theo kết quả kinh doanh, thưởng các ngày lễ, Tết,...

Công ty quan tâm đến sức khỏe, môi trường cho Người lao động như cấp phát đồng phục, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, Công ty tổ chức chương học tập trải nghiệm kết hợp du lịch, nghỉ mát giúp CBNV học hỏi nâng cao tay nghề và nghỉ ngơi tái tạo sức lao động.

### **c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.**

Công ty luôn ưu tiên tuyển dụng nhân sự trên địa bàn nhằm tạo thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho lao động địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng đã ủng hộ, tài trợ các chương trình văn hóa, thiện nguyện mà địa phương phát động theo tinh thần tương thân, tương ái. Hàng năm, Công ty hưởng ứng phong trào hiến máu cứu người theo định kỳ hàng năm do Tổng Công ty Du lịch Hà Nội phát động.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

a) Năm 2023 Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị đã bám sát các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2023 và hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội Cổ đông giao phó.

Các Thành viên HĐQT tùy từng trình độ chuyên môn và thể mạnh của bản thân đã phân công thay nhau hỗ trợ, hướng dẫn Ban điều hành Công ty với những lĩnh vực có liên quan. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất trong các công tác quản trị công ty, định hướng chiến lược cũng như chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo an toàn cho nhân viên, khách hàng.

b) Năm 2023 Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc, hỗ trợ Ban điều hành Công ty khẩn trương làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết các vấn đề còn tồn tại của đồ án Quy hoạch, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện đồ án trình UBND Thành phố phê duyệt.

c) Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc trợ giúp Công ty trong việc hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu 1,7ha.

- **Về kinh doanh:** Yêu cầu Công ty thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh sản phẩm khách đoàn, ngày hội gia đình, tiệc cưới, event; hoạt động kinh doanh lễ hành...khai thác tối đa các khoảng thời gian được hoạt động của Công viên Nước, của Nhà hàng tổ chức tiệc cưới và các loại tiệc; nâng cao chất lượng dịch vụ Công viên nước, đồng thời yêu cầu đảm bảo tuyệt đối an toàn cho khách hàng.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc tái ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và cơ sở hạ tầng với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen – là hợp đồng mang lại nguồn thu trọng yếu và duy trì sự ổn định của công viên theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc tái ký hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và cơ sở hạ tầng với Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen và chỉ đạo Công ty việc thực hiện tái ký hợp đồng này.

- **Về cơ sở hạ tầng:** Tập trung rà soát, cải tạo chuẩn bị cơ sở vật chất hạ tầng thiết bị cảnh quan công viên: Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thiện việc cải tạo lại toàn bộ phần gạch lát khu vực Bể tạo sóng, các bể trẻ em, kịp thời phục vụ cho mùa hoạt động Công viên nước 2023; hoàn thành việc cải tạo hạng mục tầng hầm và bếp Nhà hàng Sen Hồng, thúc đẩy hoạt động kinh doanh ẩm thực nhà hàng, tiệc cưới, tổ chức sự kiện.

Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương yêu cầu Công ty thực hiện sửa chữa cơ sở hạ tầng đã xuống cấp là khu vực cổng ngoài Công viên nước, lát lại gạch các bể công viên nước, sửa chữa đu quay không lồ.

- **Thanh lý các thiết bị trò chơi Công viên Mặt Trời Mới:** Trong năm 2023, Công ty đã hoàn thành thanh lý một số thiết bị trò chơi Công viên Mặt Trời Mới theo đúng quy định pháp luật liên quan về đầu giá tài sản.

- **Về nhân sự:** Quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của người lao động công ty, đồng thời định hướng chỉ đạo, đưa ra biện pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tái cấu trúc bộ máy tổ chức; yêu cầu Công ty xây dựng cơ chế khoán lương để đảm bảo khuyến khích người lao động, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy tối đa hiệu quả và năng suất công việc.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.**

Trong năm 2023, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban điều hành đã thể hiện tinh thần làm việc không mệt mỏi, tập trung cao độ và tâm huyết, thực hiện theo đúng các chỉ đạo của HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Hoàn thiện đề án Quy hoạch Tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây. Sau khi đề án được UBND Thành phố phê duyệt, công ty cần triển khai ngay việc tìm kiếm, kêu gọi các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính, có kinh nghiệm trong lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh, triển khai thực hiện phương án khai thác Công viên Mặt Trời Mới hiệu quả theo Quy hoạch được quyết, khai thác tối đa vị trí của khu đất.

Định hướng chỉ đạo Công ty để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi của công ty là Công viên nước, ẩm thực, tổ chức sự kiện, du lịch lễ hành. Trong đó chú trọng thúc đẩy các mảng kinh doanh còn dư địa gia tăng doanh thu như dịch vụ ăn uống, sự kiện, lễ hành...

Hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng thiết bị, cảnh quan để phục vụ mùa hoạt động công viên nước 2024, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ an toàn tuyệt đối cho nhân viên, cho khách hàng.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây trên các kênh thông tin tiếp cận với giới trẻ như tiktok, facebook .... kết hợp với các kênh thông tin truyền thống như các trang báo điện tử, kênh truyền hình...

Tiếp tục triển khai giai đoạn II việc áp dụng Công nghệ vào các lĩnh vực bán hàng trong Công viên.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: chú trọng công tác đào tạo nhân sự, xây dựng bộ máy nhân sự theo mô hình tinh gọn, xây dựng cơ chế khoán lương để khuyến khích người lao động, thu hút nguồn lao động chất lượng cao.

Tiếp tục xây dựng văn hóa Doanh nghiệp để truyền tải giá trị, niềm tin, chuẩn mực của Ban Lãnh đạo Haseco đến tập thể người lao động Công ty nhằm tạo nền tảng thúc đẩy phát triển bền vững.

Chỉ tiêu Tổng doanh thu năm kế hoạch 2024 là 162,30 tỷ đồng, tăng 6,50 % so với Tổng doanh thu thực hiện năm 2023.



Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế TNDN là 13,93 tỷ đồng, tăng 6,53 % so với lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2023.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	<b>Ông Nguyễn Văn Dũng</b>	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Chủ tịch HĐQT Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
2	<b>Ông Lê Xuân Nam</b>	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt
3	<b>Ông Nguyễn Đức Thành</b>	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng) Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng
4	<b>Ông Nguyễn Xuân Hải</b>	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Kế toán trưởng - Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
5	<b>Bà Nguyễn Thị Vân</b>	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội- Công ty TNHH)
6	<b>Ông Đoàn Anh Trung</b>	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Chủ tịch Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen
7	<b>Ông Nguyễn Trường Giang</b>	Trưởng phòng Kế toán - Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt

### 2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	<b>Bà Văn Thị Cẩm</b>	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	<b>Ông Nguyễn Minh Trí</b>	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	<b>Ông Bùi Thanh Hùng</b>	Phó Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

STT	Họ tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2023
<b>I</b>	<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>			
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	120.000.000
2	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT	76.800.000	96.000.000
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT	48.000.000	60.000.000
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT	48.000.000	60.000.000
5	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT	48.000.000	60.000.000
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT	48.000.000	60.000.000
7	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên HĐQT	48.000.000	60.000.000
<b>II</b>	<b>Thù lao Ban kiểm soát</b>			
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng BKS	76.800.000	96.000.000
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS	28.800.000	36.000.000
3	Ông Bùi Thanh Hùng	Thành viên BKS	28.800.000	36.000.000
<b>III</b>	<b>Thu nhập Ban điều hành</b>			

1	Bà Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc	385.449.229	504.130.091
2	Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	286.791.284	388.994.689
3	Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	295.081.084	380.788.000
4	Bà Lê Thị Nhận	Phó Tổng Giám đốc	262.334.166	349.442.000
5	Ông Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng	270.483.333	357.862.783

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

**Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.**

**Ý kiến của kiểm toán viên:** “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

#### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31/12/2023)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47.752.430.348</b>	<b>38.044.970.685</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.521.537.141</b>	<b>4.445.113.429</b>
1. Tiền	111		3.521.537.141	945.113.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>38.020.000.000</b>	<b>29.520.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.020.000.000	29.520.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.567.467.520</b>	<b>2.886.300.872</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	1.736.219.694	1.501.839.248
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	1.127.037.082	532.936.520
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	1.949.724.994	1.097.039.354

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(245.514.250)	(245.514.250)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>669.834.638</b>	<b>589.838.582</b>
1. Hàng tồn kho	141		669.834.638	589.838.582
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>973.591.049</b>	<b>603.717.802</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	121.438.416	520.965.642
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		852.152.633	82.752.160
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>65.555.019.821</b>	<b>64.839.938.364</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.437.095.701</b>	<b>61.443.921.573</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.8</b>	<b>57.437.095.701</b>	<b>61.436.310.477</b>
- Nguyên giá	222		256.522.254.425	252.070.292.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.085.158.724)	(190.633.981.728)
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.9</b>	-	<b>7.611.096</b>
- Nguyên giá	228		18.324.833.000	18.324.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.324.833.000)	(18.317.221.904)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>200.420.065</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	200.420.065	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.917.504.055</b>	<b>3.396.016.791</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	7.917.504.055	3.396.016.791
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>113.307.450.169</b>	<b>102.884.909.049</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.743.848.822</b>	<b>16.400.170.979</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.184.182.822</b>	<b>15.840.504.979</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.843.505.689	4.293.744.643
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	38.142.000	788.984.850
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	33.838.953	198.437.180
4. Phải trả người lao động	314		2.032.405.500	1.838.291.253
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.457.027.181	3.479.184.988
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.492.727.273	2.498.727.273
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.027.053.112	1.135.151.678
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	960.000.000	1.200.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		299.483.114	407.983.114
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>559.666.000</b>	<b>559.666.000</b>

1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	559.666.000	559.666.000
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>99.563.601.347</b>	<b>86.484.738.070</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>99.563.601.347</b>	<b>86.484.738.070</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(28.000.000)	(28.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.644.589.232)	(21.723.452.509)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.723.452.509)	(40.308.250.327)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.078.863.277	18.584.797.818
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>113.307.450.169</b>	<b>102.884.909.049</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.1	<b>152.417.934.850</b>	<b>136.095.664.785</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]</b>	10		<b>152.417.934.850</b>	<b>136.095.664.785</b>
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	93.306.367.027	79.159.061.607
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]</b>	20		<b>59.111.567.823</b>	<b>56.936.603.178</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.064.784.516	1.363.780.237
7	Chi phí tài chính	22		-	-

	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8	Chi phí bán hàng	25	VI.6	18.718.276.731	17.164.086.034
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	30.571.147.871	23.191.528.261
10	<b>LN thuần từ hoạt động kinh doanh</b> [30 = 20 + (21-22) - (25+26)]	30		<b>12.886.927.737</b>	<b>17.944.769.120</b>
11	Thu nhập khác	31	VI.4	203.551.907	758.678.917
12	Chi phí khác	32	VI.5	11.616.367	118.650.219
13	<b>Lợi nhuận khác [40 = 31-32]</b>	40		<b>191.935.540</b>	<b>640.028.698</b>
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>13.078.863.277</b>	<b>18.584.797.818</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	60		<b>13.078.863.277</b>	<b>18.584.797.818</b>
18	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.9	<b>1.407,14</b>	<b>1.999,52</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		162.880.797.522	146.506.648.909
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(102.164.751.120)	(70.247.794.865)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.974.367.775)	(19.125.596.039)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-

6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.036.884.421	7.091.732.978
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.470.185.699)	(37.250.592.097)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.308.377.369</b>	<b>26.974.398.886</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.150.760.092)	(3.025.768.638)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.700.699.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.100.000.000)	(53.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		54.600.000.000	26.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.500.955.368	539.702.828
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.149.804.724)</b>	<b>(27.685.366.719)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(82.350.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(82.350.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(923.777.355)</b>	<b>(710.967.833)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>4.445.113.429</b>	<b>5.155.850.185</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		201.067	231.077
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.521.537.141</b>	<b>4.445.113.429</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100844825 thay đổi lần thứ 7 do Sở quy hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp 19/7/2016 thì vốn điều lệ của công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Đến 31/12/2023, Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HES.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận chuyển khách du lịch, Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hóa thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

**Trụ sở Công ty tại:** Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo thành chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

### 6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2023 là 171 người (tại ngày 31/12/2022 là: 148 người)

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12/ hàng năm



## **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kỳ kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh Trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ thời điểm lập báo cáo tài chính.

### **3. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải Trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên

quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

### ***8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định:	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 30
- Máy móc thiết bị	04 – 12
- Phương tiện vận tải	06 – 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### ***8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Bài giảng điện tử***

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hóa do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### ***Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng***

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước tổng cho công viên nước Hồ Tây được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

## **11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của công ty bao gồm các khoản trích trước các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

## **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Các khoản dự phòng phải trả của công ty là khoản dự phòng phải trả quỹ tiền lương.

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập bằng 4,18% trên quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

## **14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

## **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty. Các cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

##### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến

nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn., Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **17. Các nghĩa vụ về thuế**

### ***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### ***Các loại thuế khác***

Các loại thuế, phí khác công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>3.521.537.141</b>	<b>945.113.429</b>
Tiền mặt	549.304.618	639.164.176
Tiền gửi ngân hàng	2.972.232.523	305.949.253
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>3.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	-	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.521.537.141</b>	<b>4.445.113.429</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hà Nội (1)	22.800.000.000	22.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên (2)	15.100.000.000	15.100.000.000	16.600.000.000	16.600.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ (3)	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.020.000.000</b>	<b>38.020.000.000</b>	<b>29.520.000.000</b>	<b>29.520.000.000</b>

(1) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 22,8 tỷ đồng, thời hạn 6-13 tháng, lãi suất 6,85-9,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 15,1 tỷ đồng, thời hạn 6-12 tháng, lãi suất 6,3-8,3%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Hợp đồng ký quỹ hoạt động kinh doanh lý hành quốc tế số 107/2021/-VCB TAH với tổng số tiền 120.000.000 đồng, ký ngày 24/12/2021, thời hạn trả lãi 12 tháng, lãi suất 6.2%/năm. Hợp đồng tự gia hạn.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Cao Đức An - Tour liên minh Nhật	-	-	314.387.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	52.762.000	-	159.240.911	-



Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt Nguyễn Thị Kim Anh	347.760.340	-	213.284.913	-
Công ty TNHH Hương gia vị Sơn Hà	327.501.360	-	-	-
Các đối tượng khác	535.699.994	(245.514.250)	572.396.424	(245.514.250)
<b>Cộng</b>	<b>1.736.219.694</b>	<b>(245.514.250)</b>	<b>1.501.839.248</b>	<b>(245.514.250)</b>

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Thanh Tùng	145.773.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ du lịch Quốc tế Việt Nam Bestour	336.315.317	-
Văn phòng luật sư DOHA	142.400.000	-
Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ VDT	-	168.000.000
Các đối tượng khác	502.548.765	364.936.520
<b>Cộng</b>	<b>1.127.037.082</b>	<b>532.936.520</b>

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	1.422.636.577	-	859.008.496	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM- CN Hà Nội	851.145.343	-	344.183.563	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	-	-	101.918	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Long Biên	571.491.234	-	514.723.015	-
Các khoản phải thu khác	136.927.887	-	23.484.891	-
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	133.582.264	-	-	-
Các đối tượng khác	3.345.623	-	23.484.891	-

Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	370.160.530	-	194.545.967	-
<i>Lương Văn Anh</i>	<i>16.605.000</i>	-	<i>40.122.000</i>	-
<i>Lê Thị Trang</i>	<i>58.300.000</i>	-	<i>44.008.847</i>	-
<i>Đình Thị Lua</i>	<i>82.245.350</i>	-	-	-
<i>Đoàn Thị Ngọc</i>	<i>102.029.500</i>	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>110.980.680</i>	-	<i>110.415.120</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.949.724.994</b>	<b>-</b>	<b>1.097.039.354</b>	<b>-</b>

6. Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi</b>				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty CP HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	-
<b>Cộng</b>	<b>245.514.250</b>	<b>-</b>	<b>245.514.250</b>	<b>-</b>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	299.185.163	-	414.248.398	-
Công cụ, dụng cụ	218.184	-	-	-
Thành phẩm	34.887.369	-	16.441.350	-
Hàng hoá	334.705.522	-	153.734.092	-
Hàng gửi đi bán	838.400	-	5.414.742	-
<b>Cộng</b>	<b>669.834.638</b>	<b>-</b>	<b>589.838.582</b>	<b>-</b>

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Cộng
<i>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>					
Số dư ngày 01/01/2023	148.000.143.767	101.155.434.787	2.648.945.454	265.768.197	252.070.292.205
- Mua trong năm	-	-	-	234.054.000	234.054.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.178.971.129	165.018.000	-	-	4.343.989.129
- Thanh lý, nhượng bán	-	(126.080.909)	-	-	(126.080.909)
Số dư ngày 31/12/2023	152.179.114.896	101.194.371.878	2.648.945.454	499.822.197	256.522.254.425
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2023	100.023.731.971	87.936.363.091	2.408.118.469	265.768.197	190.633.981.728
- Khấu hao trong năm	5.063.499.781	3.363.346.871	127.872.720	22.538.533	8.577.257.905
- Thanh lý, nhượng bán	-	(126.080.909)	-	-	(126.080.909)
Số dư ngày 31/12/2023	105.087.231.752	91.173.629.053	2.535.991.189	288.306.730	199.085.158.724
<i>Giá trị còn lại</i>					
- Tại ngày 01/01/2023	47.976.411.796	13.219.071.696	240.826.985	-	61.436.310.477
- Tại ngày 31/12/2023	47.091.883.144	10.020.742.825	112.954.265	211.515.467	57.437.095.701

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 89.206.320.268 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 77.800.993.767 đồng).

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2023	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2023	2.013.038.904	16.304.183.000	18.317.221.904
Khấu hao trong năm	7.611.096	-	7.611.096
Số dư ngày 31/12/2023	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2023	7.611.096	-	7.611.096
Tại ngày 31/12/2023	-	-	-

- Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 18.324.833.000 đồng (Tại ngày 31/12/2022 là 16.304.183.000 đồng).

10. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	121.438.416	520.965.642
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	121.438.416	520.965.642
<i>b) Dài hạn</i>	7.917.504.055	3.396.016.791
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	854.846.603	270.330.356
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	7.062.657.452	3.125.686.435
<b>Cộng</b>	<b>8.038.942.471</b>	<b>3.916.982.433</b>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình hệ thống thoát nước tổng thể	200.420.065	-
<b>Cộng</b>	<b>200.420.065</b>	<b>-</b>

12. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Tư vấn Xây dựng AEC	86.480.323	86.480.323	709.071.658	709.071.658

Công ty TNHH HANA Đầu tư xây dựng	-	-	212.812.212	212.812.212
Trần Thị Lý	42.018.776	42.018.776	128.059.305	128.059.305
Công ty TNHH INOMAT	-	-	9.534.298	9.534.298
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	562.846.099	562.846.099	155.063.132	155.063.132
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đạt Phát	225.950.367	225.950.367	-	-
Các đối tượng khác	1.926.210.124	1.926.210.124	3.079.204.038	3.079.204.038
<b>Cộng</b>	<b>2.843.505.689</b>	<b>2.843.505.689</b>	<b>4.293.744.643</b>	<b>4.293.744.643</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Cao Đức An - Tour liên minh Nhật	-	720.000.000
Các đối tượng khác	38.142.000	68.984.850
<b>Cộng</b>	<b>38.142.000</b>	<b>788.984.850</b>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2023
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	-	7.255.449.397	7.255.449.397	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.497.629	313.261.111	318.967.467	32.791.273
Thuế tài nguyên	1.096.960	26.062.080	26.111.360	1.047.680
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	15.201.940.891	15.201.940.891	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	158.842.591	900.000	159.742.591	-
<b>Cộng</b>	<b>198.437.180</b>	<b>22.800.613.479</b>	<b>22.965.211.706</b>	<b>33.838.953</b>

15. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	624.803.500	194.773.288
Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	154.000.000	149.720.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	780.785.000	718.600.000

Trích trước tiền nghỉ mát, dưỡng sức cho CBNV	-	765.000.000
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phải trả	499.562.116	890.265.993
Trích trước chi phí phải trả khác	1.397.876.565	760.825.707
<b>Cộng</b>	<b>3.457.027.181</b>	<b>3.479.184.988</b>

16. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.027.053.112</b>	<b>1.135.151.678</b>
Kinh phí công đoàn	82.059.162	107.807.728
Các khoản phải trả, phải nộp khác	944.993.950	1.027.343.950
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>944.993.950</i>	<i>1.027.343.950</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>559.666.000</b>	<b>559.666.000</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FARM FOODS Việt Nam	108.800.000	108.800.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	179.916.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn RED23 Việt Nam	70.950.000	70.950.000
<b>Cộng</b>	<b>1.586.719.112</b>	<b>1.694.817.678</b>

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.492.727.273	2.492.727.273
Doanh thu nhận trước khác	-	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.492.727.273</b>	<b>2.498.727.273</b>

*b) Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

18. Dự phòng phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng quỹ tiền lương	960.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>960.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

19. **Vốn chủ sở hữu**

19.1 **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2022	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(40.308.250.327)	60.800.499.673
Lãi trong năm trước	-	-	-	18.584.797.818	18.584.797.818
Số dư ngày 01/01/2023	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(21.723.452.509)	79.385.297.491
Lãi trong năm nay	-	-	-	13.078.863.277	13.078.863.277
Số dư ngày 31/12/2023	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(8.644.589.232)	92.464.160.768

19.2 **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	42.700.000.000	42.700.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Trí Thành	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH MTV PUTALENG	4.705.000.000	4.705.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	9.385.650.000	9.385.650.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.933.850.000	12.933.850.000
<b>Cộng</b>	<b>92.974.500.000</b>	<b>92.974.500.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (1)	Vốn điều lệ đã góp (2)	Vốn điều lệ còn phải góp (3)=(1)-(2)
	VND	VND	VND
	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>92.974.500.000</b>	<b>7.025.500.000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.297.450</i>	<i>9.297.450</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.800</i>	<i>2.800</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.294.650</i>	<i>9.294.650</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng</i>		

**19.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
<b>Cộng</b>	<b>7.099.440.579</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.099.440.579</b>



(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

*Ngoại tệ các loại*

	31/12/2023	01/01/2023
USD	300,1	300,1

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.417.934.850	136.095.664.785
<b>Cộng</b>	<b>152.417.934.850</b>	<b>136.095.664.785</b>

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.306.367.027	79.159.061.607
<b>Cộng</b>	<b>93.306.367.027</b>	<b>79.159.061.607</b>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.064.583.449	1.363.549.160
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	201.067	231.077
<b>Cộng</b>	<b>3.064.784.516</b>	<b>1.363.780.237</b>

4. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý tài sản	-	536.301.692
Các khoản thu nhập khác	203.551.907	222.377.225
<b>Cộng</b>	<b>203.551.907</b>	<b>758.678.917</b>

5. Chi phí khác		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí khác	11.616.367	118.650.219
<b>Cộng</b>	<b>11.616.367</b>	<b>118.650.219</b>
6. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	18.718.276.731	17.164.086.034
Chi phí nhân viên bán hàng	6.935.755.890	6.638.893.193
Chi phí dụng cụ đồ dùng	721.456.425	957.799.418
Khấu hao tài sản cố định	1.311.047.655	1.364.939.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.109.412.969	4.523.666.891
Chi phí bằng tiền khác	4.640.603.792	3.678.786.617
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	30.571.147.871	23.191.528.261
Chi phí nhân viên quản lý	7.516.005.802	6.552.439.187
Chi phí vật liệu quản lý	487.677.023	448.413.074
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.487.280	135.861.790
Khấu hao tài sản cố định	679.200.142	938.878.176
Thuế, phí, lệ phí	15.231.002.971	9.120.660.061
Chi phí dự phòng	960.000.000	1.200.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.026.913.806	1.493.385.745
Chi phí bằng tiền khác	3.523.860.847	3.301.890.228
<b>Cộng</b>	<b>49.289.424.602</b>	<b>40.355.614.295</b>
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.026.815.733	1.763.323.611
Chi phí nhân công	27.752.258.145	25.981.510.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.570.270.056	9.513.902.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.499.012.074	72.775.828.345
Chi phí bằng tiền khác	10.747.435.621	9.480.110.927
<b>Cộng</b>	<b>142.595.791.629</b>	<b>119.514.675.902</b>
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	13.078.863.277	18.584.797.818
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	347.548.700	387.445.729

Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(13.426.411.977)	(18.972.243.547)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

## 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.078.863.277	18.584.797.818
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.078.863.277	18.584.797.818
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.407,14	1.999,52

## VII. Những thông tin khác

### 1. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

#### Công nợ tài chính

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.521.537.141	4.445.113.429
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	99.563.601.347	86.484.738.070
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Quyết minh số IV.1.

## Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.521.537.141	4.445.113.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.440.430.438	2.353.364.352
Các khoản đầu tư tài chính	38.020.000.000	29.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.981.967.579</b>	<b>36.318.477.781</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.430.224.801	5.988.562.321
Chi phí phải trả	3.457.027.181	3.479.184.988
<b>Cộng</b>	<b>7.887.251.982</b>	<b>9.467.747.309</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

## Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2023</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	3.870.558.801	559.666.000	4.430.224.801
Chi phí phải trả	3.457.027.181	-	3.457.027.181
	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
<u>01/01/2023</u>			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.428.896.321	559.666.000	5.988.562.321
Chi phí phải trả	3.479.184.988	-	3.479.184.988

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2023</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.521.537.141	-	3.521.537.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.440.430.438	-	3.440.430.438
Các khoản đầu tư tài chính	38.020.000.000	-	38.020.000.000
	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
<u>01/01/2023</u>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.445.113.429	-	4.445.113.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.353.364.352	-	2.353.364.352
Các khoản đầu tư tài chính	29.520.000.000	-	29.520.000.000

## 2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH  
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen

**Mối quan hệ**

Cổ đông  
Cổ đông

**a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>	<b>11.253.804.692</b>	<b>11.122.936.262</b>
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	214.198.636	189.388.889
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	11.039.606.056	10.933.547.373
<b>Mua hàng</b>	<b>4.902.127.221</b>	<b>2.561.413.081</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	4.902.127.221	2.561.413.081

**b) Số dư với các bên liên quan:**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>52.762.000</b>	<b>159.240.911</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	52.762.000	159.240.911
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>114.170.500</b>	<b>160.444.000</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	114.170.500	160.444.000
<b>Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>2.492.727.273</b>	<b>2.492.727.273</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.492.727.273	2.492.727.273

**c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	516.000.000	412.800.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	168.000.000	134.400.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.981.217.563	1.500.139.906
<b>Cộng</b>	<b>2.665.217.563</b>	<b>2.047.339.906</b>

Chi tiết từng thành viên như sau

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	516.000.000	412.800.000
Nguyễn Văn Dũng      Chủ tịch	120.000.000	96.000.000
Lê Xuân Nam      Phó chủ tịch	96.000.000	76.800.000
Nguyễn Đức Thành      Thành viên	60.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Vân      Thành viên	60.000.000	48.000.000
Nguyễn Xuân Hải      Thành viên	60.000.000	48.000.000

Đoàn Anh Trung	Thành viên	60.000.000	48.000.000
Nguyễn Trường Giang	Thành viên	60.000.000	48.000.000
<b>Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát</b>		<b>168.000.000</b>	<b>134.400.000</b>
Vân Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát	96.000.000	76.800.000
Nguyễn Minh Trí	Ủy viên Ban kiểm soát	36.000.000	28.800.000
Bùi Thanh Hùng	Ủy viên Ban kiểm soát	36.000.000	28.800.000
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		<b>1.981.217.563</b>	<b>1.500.139.096</b>
Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc	504.130.091	385.449.229
Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc	388.994.689	286.791.284
Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc	380.788.000	295.081.084
Lê Thị Nhạn	Phó Tổng giám đốc	349.442.000	262.334.166
Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng	357.862.783	270.483.333

### 3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### 4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2024

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Lê Thị Giang